TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 745/2025/DS-ST
Ngày: 23/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Lang

Bà Nguyễn Thị Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trân – Thư ký Toà án nhân dân QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án của Toà án nhân dân QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2479/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Trụ sở: 266-268 đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973
Địa chỉ: 80/17 Đường số N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Giấy ủy quyền số 2502/2025/UQ-TGĐ ngày 15/01/2025.
(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1984
HKTT : Xóm 3 T, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình
Cư trú: 237/3 V, Phường C, QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp đề ngày 11/12/2024 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh T tại bản tự khai và các biên bản hòa giải:*

Ngân hàng TMCP S (Từ sau đây viết tắt là "Ngân hàng") và ông Phạm Văn Đ có ký Hợp đồng tín dụng số LD1917700165 ngày 26/6/2019 và Các điều khoản chung về

cấp tín dụng. Căn cứ vào hợp đồng nêu trên, ngân hàng đã giải ngân số 50.000.000đ theo Giấy nhận nợ số LD1917700165 ngày 26/6/2019, mục đích vay: Tiêu dùng nhanh, thời hạn vay 36 tháng, kỳ thanh toán gốc và lãi: ngày 26 dương lịch hàng tháng, mức lãi suất: 18%/năm trong 3 tháng đầu tiên, sau đó hai bên thỏa thuận theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày giải ngân đến nay, ông Đ liên tục chậm thanh toán khoản vay, ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ thanh toán khoản nợ phát sinh từ hợp đồng nêu trên, số nợ tạm tính đến ngày 22/4/2025 là: 60.536.423 đồng, cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

Số LD nhận nợ	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi phạt chậm trả	Tổng cộng
LD1917700165	29.165.000	4.274.260	25.411.864	1.685.299	60.536.423

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Phạm Văn Đ thanh toán toàn bộ số vốn gốc và lãi phát sinh từ ngày 23/4/2025 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1917700165 ngày 26/6/2019 và Các điều khoản chung về cấp tín dụng. Án phí do ông Phạm Văn Đ chịu.

* Bị đơn, ông Phạm Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa,

Đại diện của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và nộp bản tự khai có nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/5/2025 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số LD1917700165 ngày 26/6/2019 và Các điều khoản chung về cấp tín dụng là: 61.134.558 đồng, bao gồm:

ĐVT: đồng

Số LD nhận nợ	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi phạt chậm trả	Tổng cộng
LD1917700165	29.165.000	4.274.260	25.973.997	1.721.301	61.134.558

Ông Đ có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 24/5/2025 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Đ phải chịu tiền án phí.

Bị đơn: Vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều

86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Văn Đ phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/5/2025 là 61.134.558 đồng (trong đó: Nợ gốc: 29.165.000 đồng; Lãi trong hạn: 4.274.260 đồng; Lãi quá hạn: 25.973.997 đồng; Lãi phạt chậm trả: 1.721.301 đồng). Ngoài ra, ông Phạm Văn Đ phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 24/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, và kết quả xác minh tại công an địa phương, bị đơn có địa chỉ cư trú cuối cùng tại 237/3 V, Phường C, QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với việc thanh toán nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ triệu tập bị đơn để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 29/4/2025 và phiên tòa hôm nay nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, bị đơn không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số LD1917700165 ngày 26/6/2019 và Các điều khoản chung về cấp tín dụng là: : 61.134.558 đồng.

[3.2.1] Về nợ gốc: 29.165.000 đồng: Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức quy định tại Luật các tổ chức tín dụng nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, các bên tham gia trong giao dịch này

có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Theo Giấy nhận nợ số LD1917700165 ngày 26/6/2019 và các bảng tính lãi chi tiết, bị đơn đã ký nhận đủ tiền vay 50.000.000 đồng và đã thanh toán một phần tiền gốc lãi nên đã phát sinh các quyền và nghĩa vụ đã ký thỏa thuận với ngân hàng. Thời hạn cho vay hai bên thỏa thuận là 36 tháng kể từ ngày ký giấy nhận nợ 26/6/2019, như vậy thời hạn thanh toán của khoản vay là ngày 26/6/2022 mà bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền gốc, cho đến ngày xét xử bị đơn còn nợ tiền gốc: 29.165.000 đồng là đã vi phạm hợp đồng, do đó yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3.2.2] Về tiền lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi là đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 4 và Điều 7 của Hợp đồng, theo Bảng tính lãi chi tiết ngày 23/5/2025 thì khoản vay của bị đơn đã quá hạn kể từ ngày 26/10/2020, do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền lãi còn nợ là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7,8,12 Nghị quyết 01/20190NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2.3] Tạm tính đến ngày 23/5/2025, tổng số tiền bị đơn còn nợ là 61.134.558 đồng, trong đó:

ĐVT: đồng

Số LD nhận nợ	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi phạt chậm trả	Tổng cộng
LD1917700165	29.165.000	4.274.260	25.973.997	1.721.301	61.134.558

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.056.728 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Ông Phạm Văn Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số LD1917700165 ngày 26/6/2019 và Các điều khoản chung về cấp tín dụng là 61.134.558 đồng, trong đó:

ĐVT: đồng

Số LD nhận nợ	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi phạt chậm trả	Tổng cộng
LD1917700165	29.165.000	4.274.260	25.973.997	1.721.301	61.134.558

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/5/2025), bị đơn còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1917700165 ngày 26/6/2019 và Các điều khoản chung về cấp tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán dứt khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.056.728 (Ba triệu không trăm năm mươi sáu ngàn bảy trăm hai mươi tám) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.327.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0054265 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Ông Phạm Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân nhân dân QUẬN B, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND QUẬN B;
- THADS QUẬN B;
- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Kiều Trang